| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 4 – ĐẮK LẮK** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **01**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 15/01/2026
V/v: Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Lưu Thị Ngọc Thủy.
*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trịnh Thị Oanh.
Bà Nguyễn Thị Lan.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Trần Thị Thúy Vịnh – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2026, tại phòng xử án, Toà án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 165/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2025 về việc "*Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2025/QĐST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị H B, sinh năm 1991. Nơi thường trú: Buôn K, xã T, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**- Bị đơn:** Anh L, sinh năm 1988. Nơi thường trú: Buôn E, xã T, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị H B trình bày:* Tôi và anh L chung sống với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung đột. Đến cuối năm 2019 thì anh L về nhà bố mẹ đẻ tại buôn E, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là buôn E, xã T, tỉnh Đắk Lắk) sinh sống cho đến nay. Nay nhận thấy mâu thuẫn kéo dài, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh L.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có ba con chung là cháu Ly Kim H, sinh ngày 06/7/2011; cháu Ly Zu B, sinh ngày 19/10/2015 và cháu Ly Ra I, sinh ngày 09/9/2018. Sau khi vợ chồng ly thân, các cháu đều ở với tôi. Nguyện vọng

của tôi được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung đến tuổi trưởng thành, tôi không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chúng tôi không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Ly Ka đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có lý do.*

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk*:

Về người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tống đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình – Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H B; Về quan hệ hôn nhân: Chị H B được ly hôn với anh L; Về con chung: Giao các con chung là cháu Ly Kim H, sinh ngày 06/7/2011; cháu Ly Zu B, sinh ngày 19/10/2015 và cháu Ly Ra I, sinh ngày 09/9/2018 cho chị H B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung: Chị H B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của chị H B đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung với anh L là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Vì vậy, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H B và anh L chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đắk Lắk) theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 31 ngày 30/3/2011. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Qua lời trình bày của chị H B thì nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung đột, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019. Nay chị H B xác định cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh L nhưng bị đơn đều vắng mặt tại các buổi làm việc, không có lý

do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn. Qua xác minh tại chính quyền địa phương, quá trình chung sống vợ chồng chị H B và anh L có mâu thuẫn.

Hội đồng xét xử xét thấy, giữa các bên không còn sự tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng; mâu thuẫn xảy ra trong thời gian dài; mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H B, cho chị H B được ly hôn với anh L.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị H B và anh L có ba con chung là cháu Ly Kim H, sinh ngày 06/7/2011; cháu Ly Zu B, sinh ngày 19/10/2015 và cháu Ly Ra I, sinh ngày 09/9/2018. Sau khi chị H B và anh Ly K sống ly thân, các con chung đều sinh sống cùng với chị H B cho đến nay; nguyện vọng của các con chung là được tiếp tục ở với mẹ. Do đó, để đảm bảo tâm lý, điều kiện học hành và sinh hoạt của các con chung, HĐXX giao các con chung cho chị H B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Tuy nhiên, anh L không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Chị H B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H B là người đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự*;

*Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;*

*Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H B.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H B được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Giao các con chung là cháu Ly Kim H, sinh ngày 06/7/2011; cháu Ly Zu B, sinh ngày 19/10/2015 và cháu Ly Ra I, sinh ngày 09/9/2018 cho chị H B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Tuy nhiên, anh L không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh

hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H B không yêu cầu anh Ly K cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung; nợ chung: Chị H B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị H B là người đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

*Nơi nhận*
- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 4 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 4 – Đắk Lắk;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

(đã ký)

**Lưu Thị Ngọc Thủy**